

Số: 549 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics
thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông báo số 394-TB/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về việc cho ý kiến Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 06/TTr-KHĐT ngày 15/02/2019; Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 354/SGTVT ngày 15/02/2019 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với một số nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng theo hướng



hiện đại, đồng bộ và bền vững để Hải Phòng trở thành trung tâm logistics cấp quốc gia, có vai trò quốc tế; tương xứng yêu cầu xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng xanh, văn minh, hiện đại, trung tâm dịch vụ, công nghiệp lớn có sức cạnh tranh cao; là trọng điểm phát triển kinh tế biển, là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, cửa chính ra biển của các địa phương phía Bắc và hành lang kinh tế Việt Nam - Trung Quốc.

- Quy hoạch hệ thống trung tâm logistics theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp và hiện đại, làm nền tảng, cơ sở phát triển hệ thống dịch vụ logistics trên toàn thành phố; gắn kết hợp lý với quy hoạch phát triển thương mại, công nghiệp, hệ thống giao thông, sử dụng đất và các quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội khác của Hải Phòng và khu vực Bắc Bộ.

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm trước hết trên các địa bàn có lợi thế, trên cơ sở xác định đúng quy mô, địa điểm trung tâm logistics cấp vùng, cấp tỉnh phù hợp với từng thời kỳ, giảm thiểu chi phí dịch vụ. Bên cạnh đó, khuyến khích các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics đang hoạt động hiệu quả tiếp tục phát triển, tăng tính cạnh tranh và sự chuyên nghiệp; gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu là thế mạnh của thành phố, phát triển hạ tầng giao thông vận tải và công nghệ thông tin, hỗ trợ đắc lực cho quá trình hình thành và hoạt động hệ thống trung tâm logistics.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ trong chuỗi logistics nhằm nâng cao nhanh giá trị dịch vụ logistics tính trên tấn (container) hàng hóa thông qua cảng ở Hải Phòng (cảng biển, cảng hàng không).

- Từng bước tái cơ cấu dịch vụ vận tải hàng hóa đa phương tiện theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế, góp phần giảm chi phí logistics, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Huy động mọi nguồn lực của xã hội, bao gồm cả nguồn lực từ các nhà đầu tư nước ngoài. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và khai thác các trung tâm logistics. Ứng dụng các công nghệ mới trong logistics, đào tạo nhân lực chuyên nghiệp, trình độ cao về logistics, góp phần thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, tái cấu trúc hoạt động sản xuất, thương mại của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu chung

Phát triển mạng lưới trung tâm logistics đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nước cũng như hàng hóa xuất nhập khẩu với các nước

trong khu vực và quốc tế. Khai thác có hiệu quả thị trường dịch vụ logistics, trong đó tập trung vào các dịch vụ logistics thuê ngoài, tích hợp trọn gói và đồng bộ, tổ chức, hoạt động theo mô hình 3PL nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển thông qua việc tối ưu hóa chi phí và tăng giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp. Từng bước triển khai mô hình 4PL và 5PL trên cơ sở phát triển thương mại điện tử và quản trị chuỗi cung ứng hiện đại, hiệu quả, chuyên nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Quy hoạch đến năm 2020:

Tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt khoảng 25% -30%/năm; tỷ trọng đóng góp vào GRDP của thành phố từ 15% - 20%; tỷ lệ dịch vụ logistics thuê ngoài khoảng 40%.

Các trung tâm logistics mới theo quy hoạch đảm nhận 40% - 50% tổng lượng hàng hóa có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics của thành phố; còn lại các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics đang khai thác đảm nhận 50% - 60%. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực logistics, đảm bảo tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo ngành logistics đạt 60%.

- Quy hoạch đến năm 2025:

Tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt khoảng 30% - 35%/năm; tỷ trọng đóng góp vào GRDP của thành phố từ 20% - 25%; tỷ lệ dịch vụ logistics thuê ngoài khoảng 60%.

Các trung tâm logistics mới theo quy hoạch đảm nhận 50% - 60% tổng lượng hàng hóa có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics của thành phố; còn lại các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics đang khai thác đảm nhận 40% - 50%. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực logistics, đảm bảo tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo ngành logistics đạt 70%.

2.3 Định hướng đến năm 2030

Cơ bản hoàn thiện mạng lưới trung tâm logistics trên địa bàn thành phố, đảm bảo tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt khoảng 30% - 35%/năm, tỷ trọng đóng góp vào GRDP của thành phố từ 25% - 30%, tỷ lệ dịch vụ logistics thuê ngoài khoảng 65%.

Các trung tâm logistics mới theo quy hoạch đảm nhận 60% - 70% tổng lượng hàng hóa; còn lại các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics đang khai thác đảm nhận 30% - 40%. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực logistics, đảm bảo tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo ngành logistics đạt 80%.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch phát triển các loại hình dịch vụ logistics

Phát triển mạnh, đa dạng các loại dịch vụ logistics được quy định trong Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics gồm các dịch vụ: (1) Xếp dỡ container (trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay); (2) Kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển; (3) Kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải; (4) Chuyển phát; (5) Đại lý vận tải hàng hóa; (6) Đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan); (7) Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải; (8) Hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng; (9) Vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải biển; (10) Vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa; (11) Vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường sắt; (12) Vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường bộ; (13) Vận tải hàng không; (14) Vận tải đa phương thức; (15) Phân tích và kiểm định kỹ thuật; (16) Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác; (17) Các dịch vụ khác do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại.

Trong đó tập trung các dịch vụ logistics chính, trực tiếp phục vụ hệ thống cảng biển và sân bay khu vực Hải Phòng, trước hết bao gồm:

- Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa; dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan); dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải biển, dịch vụ vận tải đa phương thức: chi phí chiếm khoảng 57% tổng chi phí logistics;

- Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển; dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải: Chi phí chiếm khoảng 20% tổng chi phí logistics;

- Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay: Chi phí chiếm khoảng 11% tổng chi phí logistics;

- Dịch vụ khác (bao gồm cả quản lý chuỗi cung ứng): Chi phí chiếm khoảng 12% tổng chi phí logistics.

Giai đoạn đến năm 2020 tập trung hoàn thiện loại hình dịch vụ 2PL, ưu tiên phát triển loại hình dịch vụ 3PL; sau năm 2020 tập trung chuyển đổi loại hình dịch vụ 2PL - 3PL, đồng thời ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ cấp

cao hơn (4PL, 5PL,...).

3.2. Quy hoạch các hành lang vận tải hàng hóa

- Quy hoạch 03 hành lang chính vận tải hàng hóa đi/đến thành phố Hải Phòng gồm: (i) Tuyến trục Hải Phòng - Hà Nội với hai nhánh đi Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc) và đi Lạng Sơn - Quảng Tây (Trung Quốc); Tuyến trục Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái; (iii) Tuyến trục Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Trong đó phân công chức năng các tuyến đường vận chuyển hàng hóa liên tỉnh trên các hành lang như sau:

Tuyến trục Hải Phòng - Hà Nội với hai nhánh đi Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc) và đi Lạng Sơn - Quảng Tây (Trung Quốc): vận chuyển trên 03 phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

Các tuyến đường bộ chính trên hành lang gồm: QL5, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Tân Vũ - Lạch Huyện, tuyến đường trục đô thị (Bắc Sơn - Nam Hải - Trảng Cát), tuyến liên tỉnh Kinh Môn - Thủy Nguyên.

Tuyến trục Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái: vận chuyển trên 02 phương thức vận tải: đường bộ, đường thủy nội địa.

Các tuyến đường bộ chính trên hành lang gồm: tuyến từ Đình Vũ - Lê Thánh Tông - cầu Bính 2 - trục Bắc sông Cấm - QL 10 - cầu Đá Bạc; tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (đoạn Hải Phòng - Quảng Ninh); tuyến đường bộ ven biển (đoạn Hải Phòng - Quảng Ninh).

Tuyến trục Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình: vận chuyển trên 03 phương thức vận tải: đường bộ, đường thủy nội địa và đường sắt (giai đoạn sau năm 2030).

Các tuyến đường bộ chính trên hành lang gồm: tuyến nối QL5 - QL10, tuyến từ QL5 đi tiếp theo tuyến mới từ cầu Rào - Kiến Thụy - cầu Dương Áo - QL37 ra QL10; tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (đoạn Hải Phòng - Ninh Bình), tuyến đường bộ ven biển (đoạn Hải Phòng - Ninh Bình).

- Quy hoạch các tuyến vận chuyển hàng hóa hàng không phù hợp với quy hoạch các tuyến bay quốc tế kết nối sân bay Cát Bi tới các sân bay trong và ngoài nước.

3.3. Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics:

- Đến năm 2020:

Quy hoạch 04 trung tâm logistics với tổng công suất hàng hóa thông qua các trung tâm khoảng 71,6 triệu tấn/năm (trong đó khối lượng container khoảng 4,01 triệu TEUs/năm), đảm nhận 40% - 50% tổng lượng hàng có nhu cầu cung

ứng dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó:

+ Quy hoạch 01 trung tâm logistics cấp Vùng: trung tâm logistics Nam Đình Vũ tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ quận Hải An (khu vực phía Đông).

+ Quy hoạch 03 trung tâm logistics cấp tỉnh: Lạch Huyện tại khu bến Lạch Huyện huyện Cát Hải (khu vực phía Đông Nam); VSIP tại khu công nghiệp VSIP huyện Thủy Nguyên (khu vực phía Đông Bắc); Trảng Duệ tại khu công nghiệp Trảng Duệ huyện An Dương (khu vực phía Tây).

- Đến năm 2025:

Quy hoạch 06 trung tâm logistics với tổng công suất thông qua của các trung tâm khoảng 90,65 triệu tấn/năm, trong đó hàng container khoảng 5,07 triệu TEUs/năm), đảm nhận 50% - 60% tổng lượng hàng có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó:

+ Duy trì 04 trung tâm logistics hiện hữu (Lạch Huyện; VSIP; Trảng Duệ, Nam Đình Vũ).

+ Quy hoạch mới 01 trung tâm logistics cấp tỉnh: Tiên Lãng tại huyện Tiên Lãng (khu vực phía Nam) hỗ trợ cho trung tâm logistics Nam Đình Vũ.

+ Quy hoạch mới 01 trung tâm logistics chuyên dùng hàng hóa hàng không tại sân bay Cát Bi, quận Hải An.

- Đến năm 2030:

Tiếp tục phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn theo hướng nâng cấp mở rộng và đầu tư theo chiều sâu 06 trung tâm logistics. Tổng công suất hàng hóa thông qua các trung tâm đạt 140,35 triệu tấn/năm (trong đó hàng container khoảng 7,86 triệu TEUs/năm), đảm nhận 60% - 65% tổng lượng hàng có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(Chi tiết quy hoạch các trung tâm logistic tại Phụ lục 1)

4. Nhu cầu sử dụng đất và vốn đầu tư cho phát triển logistics

4.1. Nhu cầu sử dụng đất dành cho phát triển logistics

Đến năm 2020: Tổng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện quy hoạch phát triển logistics Hải Phòng khoảng 1.891,5 ha.

Đến năm 2025: Tổng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện quy hoạch phát triển logistics Hải Phòng khoảng 2.061 ha, tăng so với năm 2020 là 169,5 ha.

Đến năm 2030: Tổng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện quy hoạch phát triển logistics Hải Phòng khoảng 2.156 ha tăng so với năm 2025 là 95 ha.

(Chi tiết nhu cầu vốn đầu tư và quỹ đất tại Phụ lục 2)

4.2. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển logistics

Giai đoạn 2018 - 2020: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển dịch vụ logistics là 3.555 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách nhà nước 526 tỷ đồng (chiếm khoảng 15%) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, kêu gọi đầu tư và hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics;

Giai đoạn 2021- 2025: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển dịch vụ logistics là 9.080 tỷ đồng; Trong đó, vốn ngân sách nhà nước 1.630 tỷ đồng (chiếm khoảng 18%) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, kêu gọi đầu tư và hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics;

Giai đoạn 2026 - 2030: Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển dịch vụ logistics là 4.550 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách nhà nước 908 tỷ đồng (chiếm khoảng 20%) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, kêu gọi đầu tư và hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics.

(Chi tiết nhu cầu vốn đầu tư và sử dụng đất tại Phụ lục 2)

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

5.1. Giải pháp chính sách thu hút vốn đầu tư

- Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức đầu tư theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực từ các nguồn vốn như ODA, PPP; vận dụng linh hoạt các chính sách hỗ trợ, ưu đãi hiện hành phù hợp với điều kiện cụ thể về kinh tế - xã hội của thành phố về tín dụng, thuế, giá, phí, lệ phí...

- Tăng cường liên kết với các hiệp hội và doanh nghiệp dịch vụ logistics tại Hải Phòng với các nước trong khu vực ASEAN và trên thế giới; Thu hút các doanh nghiệp logistics nước ngoài đến làm ăn, hợp tác với doanh nghiệp tại thành phố.

- Công khai thông tin về quy hoạch hệ thống dịch vụ logistics (thông tin quy hoạch, các tiêu chí đầu tư, thủ tục cấp phép,...) trên cổng thông tin điện tử của thành phố và các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics và các công trình hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ nhằm phục vụ cho hoạt động logistics.

- Nghiên cứu xây dựng các quy định, chính sách nhằm thúc đẩy và tạo ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư, xây dựng trung tâm logistics như miễn tiền thuê đất, tạo thuận lợi trong giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính,...

5.2. Giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics

- Ban hành các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics hoạt động có hiệu quả như: Khuyến khích việc đầu tư vốn phát

triển kết cấu hạ tầng logistics và các phương tiện vận chuyển, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho các dịch vụ logistics phát triển; Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh logistics của Hải Phòng liên doanh, liên kết với các công ty logistics nước ngoài khai thác thị trường trong và ngoài nước.

- Tăng cường năng lực và nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với dịch vụ logistics ở cảng Hải Phòng. Tiếp tục nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp dịch vụ logistics ở cảng Hải Phòng.

- Bố trí quỹ đất phù hợp dành cho phát triển hệ thống trung tâm logistics, dành quỹ đất để mở rộng các trung tâm logistics các giai đoạn tiếp theo phù hợp quy hoạch.

- Một số khu công nghiệp, khu chế xuất cung cấp các dịch vụ logistics khép kín, hỗ trợ doanh nghiệp trong khu rút ngắn thời gian, chi phí giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm.

5.3. Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng kết nối với các trung tâm logistics; danh mục dự án ưu tiên đầu tư

- Tập trung đầu tư quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng, phương tiện kỹ thuật đồng bộ, tiên tiến nhằm phục vụ cho phát triển dịch vụ logistics tại Hải Phòng. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng: hệ thống cầu, đường; nhà ga, bến cảng; kho, bến bãi; phương tiện vận chuyển cũng như các trang thiết bị phục vụ giao nhận vận chuyển...

- Đẩy nhanh công tác thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối các trung tâm logistics với khu vực cảng biển quốc tế Hải Phòng, kết nối với các vành đai và hành lang kinh tế, theo đúng kế hoạch, quy hoạch đã đề ra.

- Xây dựng hạ tầng giao thông, kho bãi, trung tâm logistics trên các tuyến vận tải, hành lang kết nối các cảng của Việt Nam - Nam Trung Quốc thông qua “hai hành lang, một vành đai kinh tế”.

- Hợp tác để hình thành các cảng cạn trong nội địa để kết hợp với cảng biển tạo thành hệ thống liên hoàn. Phối hợp cùng Lào Cai xây dựng cảng cạn (ICD) tại Lào Cai nhằm tăng cường khả năng thông quan qua cảng Hải Phòng.

- Mở rộng kết nối hạ tầng logistics của Hải Phòng với các nước trong khu vực ASEAN, Đông Bắc Á và các khu vực khác trên thế giới nhằm phát huy ưu điểm của vận tải đa phương thức, vận tải xuyên biên giới và quá cảnh.

(Chi tiết các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục 3)

5.4. Giải pháp phát triển hệ thống doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics

- Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong một số ngành áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến trong quá trình sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng triển khai các hoạt động logistics trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ mới trong logistics; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động logistics...

- Tăng cường công tác liên kết các doanh nghiệp cùng ngành hoạt động trong và ngoài nước trao đổi thông tin hỗ trợ trong các khâu của dịch vụ logistics.

5.5. Giải pháp, cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Thành phố có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp về kinh phí trong việc tăng cường đào tạo đội ngũ nhân lực quản lý, khai thác trong lĩnh vực logistics; đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng ứng dụng khoa học - công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực logistics.

- Hỗ trợ Đại học hàng hải Việt Nam tiếp tục phát triển trung tâm đào tạo logistics nhằm phục vụ nhu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về logistics cho thành phố và các nước trong khu vực.

- Thu hút các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế cho các chương trình đào tạo nhân lực logistics ngắn hạn trong và ngoài nước, hợp tác với các tổ chức logistics quốc tế như FIATA, IATA để đào tạo nguồn nhân lực.

5.6. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics (hệ thống giao dịch không giấy tờ, thanh toán điện tử, giao dịch trực tiếp...), phát triển hệ thống cổng thông tin E - logistics kết nối được với hệ thống “Một cửa quốc gia” và “Một cửa ASEAN”, cho phép các doanh nghiệp trong và ngoài nước truy cập.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ thông tin phục vụ cho cộng đồng dịch vụ logistics của thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong hoạt động dịch vụ logistics như công nghệ xếp, dỡ hàng hóa, lưu giữ, đóng gói hàng hóa hiện đại.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý như: Hải quan, kiểm dịch, biên phòng cửa khẩu, cảnh sát đường bộ, cảng vụ Hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa,... trong đó đẩy mạnh áp dụng hình thức trao đổi thông tin điện tử giữa các bên và nghiên cứu xây dựng cổng thông tin điện tử liên ngành.

5.7. Giải pháp quỹ đất phát triển logistics

- Lập phương án thu hồi đối với diện tích đất dư thừa so với tiêu chuẩn, diện tích đất sử dụng không hiệu quả trong các khu cụm công nghiệp; các dự án được bố trí quỹ đất nhưng đầu tư chậm tiến độ, có các sai phạm (sử dụng sai mục đích; lấn chiếm....) sớm được thu hồi.

- Rà soát kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của các dự án đầu tư tại khu vực Nam Đình Vũ để điều chỉnh quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất đảm bảo lợi ích cộng đồng và doanh nghiệp đầu tư vào phát triển dịch vụ logistics tại khu vực Nam Đình Vũ; khai thác sử dụng không gian ven biển hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì tổ chức công bố Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tập trung triển khai các dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn thành phố, trong đó ưu tiên huy động các nguồn lực để xây dựng các công trình kết nối với các trung tâm logistics.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe container, hạn chế tối đa tình trạng ùn tắc, đảm bảo hoạt động đưa, rút hàng bằng đường bộ tại các trung tâm logistics.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo tiến độ đầu tư các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố như: các bến cảng tiếp theo cảng quốc tế Lạch Huyện, đường sắt Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai, đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh...

2. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Lập kế hoạch triển khai trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải công bố quy hoạch “Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch. Chủ động xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc

điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố trong trường hợp có sự biến động về kinh tế xã hội và nhu cầu dịch vụ logistics.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét áp dụng phương án đầu tư xây dựng và khai thác trung tâm logistics theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách pháp lý để khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics do Trung ương ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hàng năm, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố cân đối ngân sách triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế để khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics dành riêng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, đặc biệt cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép đầu tư và thành lập liên doanh và 100% vốn nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở định kỳ rà soát, công bố Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phục vụ triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống dịch vụ logistics trên website của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Sở Tài Chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách pháp lý để khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics do Trung ương ban hành.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế để khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics dành riêng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan liên quan bố trí quỹ đất quy hoạch, quỹ đất dành cho phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn thành phố.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các trung tâm logistics triển khai thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường trong quá trình lập dự án, đầu tư xây dựng và khai thác.

6. Sở Xây dựng

- Kiểm tra, giám sát chất lượng các công trình đầu tư phục vụ phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với các Sở trong việc triển khai các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ logistics.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), Hiệp hội cảng biển Việt Nam (VPA), Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam... và các Sở ban ngành có liên quan nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp logistics trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất, khuyến cáo các doanh nghiệp dịch vụ logistics ứng dụng các công nghệ phù hợp trong hoạt động giao dịch không giấy tờ, thanh toán điện tử, giao dịch trực tiếp và công nghệ trong quản lý kho bãi, vận chuyển hàng hóa...

- Nghiên cứu, đề xuất hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng nhằm khuyến cáo các doanh nghiệp dịch vụ logistics ứng dụng đồng thời phục vụ công tác quản lý nhà nước trong hoạt động logistics.

- Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động logistics Hải Phòng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí...

9. Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng

- Cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến hoạt động dịch vụ logistics trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các vướng mắc trong hoạt động dịch vụ logistics của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố.

- Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ logistics đăng ký tiếp nhận các cơ chế, chính sách ưu đãi do Trung ương, thành phố ban hành.

10. Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

- Phối hợp với các Sở, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch này bảo đảm các quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phát triển dịch vụ logistics, hệ thống trung tâm logistics thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận, huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan và doanh nghiệp đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng, bố trí quỹ đất phục vụ xây dựng các trung tâm logistics phù hợp với quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, PCVP Bùi Bá Sơn;
- Các Phòng: XD, GT&CT, TH, KTGS&TĐKT;
- CV: GT3, GT, CT, QH;
- Lưu VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục 01: Quy hoạch phát triển trung tâm dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định 549/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019)

Bảng 1: Quy hoạch trung tâm logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

T T	Trung tâm logistics	Vị trí	Giai đoạn quy hoạch												Chức năng phục vụ
			2018–2020						2021–2025						
			Hạng	Quy mô (ha)	Công suất thông qua				Hạng	Quy mô (ha)	Công suất thông qua				
					Tổng	Container		Hàng khác			Tổng	Container		Hàng khác	
				Triệu tấn	Triệu tấn	Triệu TEUs	Triệu tấn			Triệu tấn	Triệu tấn	Triệu TEUs	Triệu tấn		
1	Trung tâm logistics Lạch Huyện	Cảng trung tâm logistics Lạch Huyện	Cấp tỉnh	16,5	10	7,2	0,605	2,8	Cấp tỉnh	50	20	12,5	1,05	7,5	Dịch vụ cảng biển; vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp - dỡ hàng hóa; thủ tục hành chính
2	Trung tâm logistics Nam Đình Vũ	Khu công nghiệp Nam Đình Vũ	II	125	44,6	29,2	2,45	15,4	II	150	49,3	33,6	2,82	15,7	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp - dỡ hàng hóa; thủ tục hành chính
3	Trung tâm logistics VSIP	Khu công nghiệp VSIP	Cấp tỉnh	10	7,9	5,2	0,436	2,7	Cấp tỉnh	15	8,5	5,8	0,487	2,7	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp - dỡ hàng hóa
4	Trung tâm logistics Tràng Duệ	Khu công nghiệp Tràng Duệ	Cấp tỉnh	30	9,1	6,2	0,52	2,9	Cấp tỉnh	30	9,1	6,2	0,52	2,9	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp - dỡ hàng hóa
5	Trung tâm logistics Tiên Lãng	Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng	Cấp tỉnh	–	–	–	–	–	Cấp tỉnh	10	3,5	2,4	0,2	1,1	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp - dỡ hàng hóa
6	Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không	Phường Cát Hải - Quận Trảng An							Chuyên dụng	6	0,25			0,25	Vận tải hàng không; kho bãi giao nhận hàng không; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa
	TỔNG			181,5	71,6	47,8	4,011	23,8		261	90,65	60,5	5,077	30,15	

Ghi chú: diện tích này không gồm cơ sở hạ tầng vận tải, nhưng bao gồm diện tích dành cho nghiệp vụ logistics và dịch vụ logistics mở rộng

Bảng 2: Định hướng phát triển trung tâm logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030

TT	Trung tâm logistics	Vị trí	Giai đoạn quy hoạch						Chức năng phục vụ
			2026–2030						
			Hạng	Quy mô (ha)	Công suất thông qua			Hàng khác (triệu tấn)	
					Tổng (triệu tấn)	Container			
					Triệu tấn	Triệu TEUs			
1	Trung tâm logistics Lạch Huyện	Cảng trung tâm logistics Lạch Huyện	Cấp tỉnh	70	32,0	20,0	1,68	12,0	Dịch vụ cảng biển; vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa; thủ tục hành chính
2	Trung tâm logistics Nam Đình Vũ	Khu công nghiệp Nam Đình Vũ	II	150	78,9	53,8	4,52	25,1	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa; thủ tục hành chính
3	Trung tâm logistics VSIP	Khu công nghiệp VSIP	Cấp tỉnh	20	12,2	8,4	0,705	3,8	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa
4	Trung tâm logistics Trảng Duệ	Khu công nghiệp Trảng Duệ	Cấp tỉnh	40	12,2	8,2	0,689	4,0	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa
5	Trung tâm logistics Tiên Lãng	Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng	Cấp tỉnh	20	4,7	3,2	0,268	1,5	Vận tải; kho bãi; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa
6	Trung tâm logistics chuyên dùng hàng không	Phường Trảng Cát -Quận Hải An	Chuyên dụng	6	0,35			0,35	Vận tải hàng không; kho bãi giao nhận hàng không; đóng gói; xếp-dỡ hàng hóa
	TỔNG			306,0	140,35	93,6	7,862	46,75	

Ghi chú: diện tích này không gồm cơ sở hạ tầng vận tải, nhưng bao gồm diện tích dành cho nghiệp vụ logistics và dịch vụ logistics mở rộng.

Phụ lục 2: Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và sử dụng đất phát triển logistic trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định 549/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019)

Bảng 1: Nhu cầu vốn đầu tư

TT	Lĩnh vực	Giai đoạn 2018 - 2020 (tỉ đồng)		Giai đoạn 2021 - 2025 (tỉ đồng)		Giai đoạn 2026 - 2030 (tỉ đồng)	
		NSNN	XHH	NSNN	XHH	NSNN	XHH
1	Vốn đầu tư xây dựng các trung tâm logistics	525	2.975	1.625	7.375	900	3.600
2	Vốn đầu tư hệ thống kho bãi ngoài trung tâm logistics		50		60		20
3	Vốn phát triển hỗ trợ nguồn nhân lực, đào tạo	1	4	5	15	8	22
Tổng		526	3.029	1.630	7.450	908	3.642

Bảng 2: Nhu cầu sử dụng đất

TT	Lĩnh vực	Quỹ đất đến năm 2020 (ha)	Quỹ đất đến năm 2025 (ha)	Quỹ đất đến năm 2030 (ha)
1	Quỹ đất xây dựng các trung tâm logistics	181,5	261	306
2	Quỹ đất phát triển KCHT GTVT phục vụ kết nối logistics	1.610	1.700	1.750
3	Quỹ đất xây dựng hệ thống kho bãi ngoài trung tâm logistics	100	100	100
Tổng		1.891,5	2.061	2.156

**Phụ lục 3: Danh mục các dự án đầu tư phát triển logistic trên địa bàn
thành phố Hải Phòng**

(Ban hành kèm theo Quyết định 549/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019)

Stt	Tên Dự án	Nguồn vốn
Giai đoạn 2018 - 2020		
1	Xây dựng trung tâm logistics Lạch Huyện	Dự án đầu tư xây dựng các trung tâm logistics mang tính động lực do UBND TP kêu gọi đầu tư
2	Xây dựng trung tâm logistics Nam Đình Vũ	
3	Xây dựng trung tâm logistics VSIP	
4	Hoàn thành xây dựng Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện	Dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do Trung ương đầu tư
5	Nâng cấp, mở rộng QL.5 kéo dài đến cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	
6	Nâng cấp, mở rộng QL.10	
7	Xây dựng QL.37 mới tại phía Nam tuyến hiện tại và xây cầu sông Hóa	
8	Xây dựng tuyến nối QL.10 - QL.5	
9	Triển khai các thủ tục, xây dựng nhánh đường sắt từ tuyến Hà Nội - Hải Phòng nối ra cảng Chùa Vẽ nối dài ra cảng Đình Vũ, cảng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	
10	Dự án xây dựng nhà ga hành khách T2- Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi	Dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do UBND thành phố đầu tư.
11	Xây dựng mở rộng tuyến đường trục qua khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng	
12	Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn khu công nghiệp Phả Lại - Nút giao đường Phạm Văn Đồng và cầu Vũ Yên	
13	Xây dựng đường liên tỉnh Kinh Môn - Thủy Nguyên và cầu Dinh	
14	Hoàn thành xây dựng tuyến liên tỉnh Trịnh Xá - Lại Xuân và cầu Lại Xuân	
15	Đường nối Nam cầu Niệm 2 - Kiến Thụy - QL 37/cầu Sông Hóa	
16	Hoàn thành dự án tuyến trục đô thị Bắc Sơn - Nam Hải và cầu Niệm 2	
17	Xây dựng đường kết nối từ trung tâm logistics Nam Đình Vũ với đường Tân Vũ - Lạch Huyện; trung tâm logistics VSIP với đường vành đai 3	

Stt	Tên Dự án	Nguồn vốn
18	Triển khai xây dựng tuyến đường vành đai 3, thành phố Hải Phòng đồng bộ với việc xây dựng cầu Vũ Yên và cầu Nguyễn Trãi	
	Giai đoạn 2021 - 2025	
19	Xây dựng trung tâm logistics Trảng Duệ	Dự án đầu tư xây dựng các trung tâm logistics mang tính động lực do UBND TP kêu gọi đầu tư
20	Xây dựng trung tâm logistics Tiên Lãng	
21	Mở rộng trung tâm logistics Lạch Huyện	
22	Mở rộng trung tâm logistics Nam Đình Vũ	
23	Nâng cấp trung tâm logistics VSIP	
24	Xây dựng tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh	Dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do Trung ương đầu tư
25	Xây dựng tuyến nối sân bay Tiên Lãng với QL10	
26	Triển khai nâng cấp điện khí hóa tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng bao gồm cả nhánh kéo dài vào khu vực bến cảng Đình Vũ, Lạch Huyện	
27	Xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đường đôi, khổ 1.435mm	
28	Xây dựng tuyến đường sắt duyên hải Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh song hành QL10 (giai đoạn sau năm 2020)	
29	Hoàn thành xây dựng đường Vành đai 3	Các dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do UBND thành phố đầu tư
30	Hoàn thành xây dựng đường vành đai 2	
31	Xây dựng đường kết nối từ trung tâm logistics Trảng Duệ với QL.10; trung tâm logistics Tiên Lãng với cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, với đường nối Nam cầu Niệm 2 - Kiến Thụy - QL.37/cầu Sông Hóa, với tuyến nối sân bay Tiên Lãng với QL10	
32	Nâng cấp các đường tỉnh đạt cấp III	
	Giai đoạn 2026 - 2030	
33	Nâng cấp trung tâm logistics Trảng Duệ	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống các trung tâm Logistics trên địa bàn thành phố do UBND TP kêu gọi đầu tư
34	Nâng cấp trung tâm logistics Tiên Lãng	
35	Nâng cấp trung tâm logistics Lạch Huyện	
36	Nâng cấp trung tâm logistics Nam Đình Vũ	
37	Nâng cấp trung tâm logistics VSIP	
38	Hoàn thiện tuyến cao tốc ven biển Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh	Các dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do

Stt	Tên Dự án	Nguồn vốn
39	Hoàn thiện tuyến đường sắt duyên hải Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh song hành QL10 (giai đoạn sau năm 2030)	Trung ương đầu tư
40	Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống đường giao thông kết nối với các trung tâm logistics	Các dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do UBND thành phố đầu tư
41	Nghiên cứu xây dựng các tuyến kết nối cảng Hải Phòng tới các cửa khẩu phía Bắc với Trung Quốc như Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... (giai đoạn sau năm 2025)	Dự án đầu tư xây dựng KCHT phục vụ logistics do Trung ương đầu tư